

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG

NGUYỄN THỊ THU HÀ

**TÁI CƠ CẤU DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC
TRONG TIẾN TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SANG
NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM**

Ngành : **Quản lý kinh tế**
Mã số : **9 31 01 10**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Hà Nội - năm 2021

Công trình được hoàn thành tại:
VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG

Người hướng dẫn khoa học: **1. PGS.TS. Hồ Sỹ Hùng**
2. TS. Nguyễn Đình Cung

Phản biện 1: TS. Đặng Đức Đạm

Phản biện 2: PGS.TS Bùi Tất Thắng

Phản biện 3: PGS.TS Bùi Văn Huyền

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án
cấp Viện họp tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương
Vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm 20.....

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

- Thư viện Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.
- Thư viện Quốc gia, Hà Nội.

MỞ ĐẦU

1. Lý do nghiên cứu đề tài luận án

Sau hơn 30 năm đổi mới, nền kinh tế Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng, kinh tế tăng trưởng nhanh, một số lượng lớn lao động được giải quyết việc làm. Trong những thành tựu kể trên, khu vực kinh tế nhà nước mà điển hình là các tập đoàn kinh tế, các tổng công ty nhà nước đóng một vai trò quan trọng. Để kinh tế nhà nước giữ được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nhiều thành phần, doanh nghiệp nhà nước (DNNN) cần hoạt động có hiệu quả, dẫn dắt các doanh nghiệp tư nhân và các tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế khác phát triển. Mặc dù vậy, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đóng góp của các DNNN chưa tương xứng với vị thế và mức độ quan tâm, đầu tư của Nhà nước. So với khu vực tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tỷ trọng đóng góp vào GDP của DNNN được đánh giá là thấp nhất, bên cạnh đó, cơ chế quản lý đối với doanh nghiệp còn nhiều bất cập. Có nhiều nguyên nhân đem đến kết quả này, trong đó có việc chưa xác định rõ vai trò của DNNN trong mối quan hệ với vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, dẫn đến đầu tư dàn trải, trong khi thiếu khung khổ pháp lý lành mạnh và kỷ luật tài chính rõ ràng, đồng thời không đảm bảo trách nhiệm giải trình và tính công khai, minh bạch. Doanh nghiệp nhà nước có cơ cấu tổ chức quản trị lạc hậu, thiếu tính chuyên nghiệp,..Điều đó đặt DNNN vào những bất cập với các nguyên tắc và bản chất của kinh tế thị trường(KTTT). Đó là lý do dẫn đến cần phải đổi mới, tái cơ cấu lại hệ thống doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam.

Vì vậy, việc đánh giá tổng thể công tác tái cơ cấu DNNN trong tiến trình chuyển đổi sang nền KTTT, nhất là từ giai đoạn 2011 đến nay, nhằm chỉ ra những thành công và hạn chế, xác định nguyên nhân của những thành công để phát huy, nguyên nhân hạn chế để khắc phục, điều chỉnh, bổ sung các chính sách, đề án tái cấu trúc DNNN phù hợp với yêu cầu thị trường là hết sức cần thiết.

Từ tình hình thực tiễn nêu trên và để góp phần vào việc hoàn thiện chính sách, nâng cao chất lượng tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước,

ngiên cứu sinh đã chọn vấn đề “**Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước trong tiến trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường tại Việt Nam**” làm đề tài nghiên cứu luận án tiến sĩ kinh tế của mình.

2. Mục đích, ý nghĩa của việc nghiên cứu đề tài luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án được nghiên cứu với mục đích cung cấp những luận cứ khoa học để hoàn thiện chính sách, nâng cao chất lượng tổ chức thực hiện tái cơ cấu DNNN trong tiến trình chuyển đổi sang kinh tế thị trường ở nước ta.

2.2. Ý nghĩa của việc nghiên cứu đề tài luận án

Với vai trò là một luận án tiến sĩ kết quả đạt được của luận án góp phần làm sáng tỏ vấn đề lý luận về tái cơ cấu DNNN trong tiến trình chuyển đổi sang KTTT. Cụ thể là việc xác định nội hàm DNNN, xây dựng khái niệm, nội dung và phương thức tái cơ cấu DNNN trong tiến trình chuyển sang KTTT, phân tích, đánh giá thực tiễn tái cơ cấu DNNN ở Việt Nam trong tiến trình chuyển sang KTTT và chỉ ra những bất cập, đề xuất giải pháp hoàn thiện chính sách, pháp luật và tổ chức thực hiện tái cơ cấu DNNN trong thời gian tới.

3. Kết cấu luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các công trình nghiên cứu đã công bố của tác giả, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục luận án gồm có 4 chương:

Chương 1. Tổng quan các nghiên cứu về tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước trong tiến trình chuyển đổi sang kinh tế thị trường và hướng nghiên cứu của luận án

Chương 2. Cơ sở lý luận về tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước trong tiến trình chuyển đổi sang kinh tế thị trường

Chương 3. Thực trạng tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước trong tiến trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường ở Việt Nam giai đoạn 2011-2020

Chương 4. Phương hướng và giải pháp tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước trong tiến trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường tại Việt Nam giai đoạn 2021-2030

Chương 1

TỔNG QUAN CÁC NGHIÊN CỨU VỀ TÁI CƠ CẤU DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRONG TIẾN TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SANG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VÀ HƯỚNG NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN

1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu đã công bố liên quan đến tái cơ cấu DNNN trong tiến trình chuyển sang KTTT

1.1.1. Các công trình nghiên cứu đã công bố ngoài nước

Luận án đã tiếp cận và nghiên cứu một số công trình khoa học bàn về các vấn đề sau đây:

Thứ nhất vai trò, sứ mệnh của doanh nghiệp nhà nước.

Thứ hai nghiên cứu về quan hệ của Nhà nước với doanh nghiệp nhà nước và vấn đề phân bổ nguồn lực.

Thứ ba nghiên cứu về giải pháp cải cách doanh nghiệp nhà nước.

Thứ tư các công trình nghiên cứu về kinh tế thị trường.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu đã công bố trong nước

Đối với các công trình nghiên cứu trong nước luận án đã tiếp cận và nghiên cứu các vấn đề sau:

Thứ nhất nghiên cứu về các khái niệm doanh nghiệp nhà nước.

Thứ hai tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước và tính tất yếu của tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước

Thứ ba là nghiên cứu về quan hệ của Nhà nước với doanh nghiệp nhà nước và vấn đề phân bổ nguồn lực,

Thứ tư là nghiên cứu về giải pháp cải cách doanh nghiệp nhà nước.

Thứ năm là các công trình nghiên cứu về kinh tế thị trường

1.1.3. Đánh giá chung về các công trình nghiên cứu liên quan

Những vấn đề thuộc đề tài luận án đã được nghiên cứu tương đối đầy đủ, luận án kế thừa

Cải cách DNNN là một trong những chủ đề được khá nhiều công trình nghiên cứu đề cập, kể cả trong nước và nước ngoài. Về cơ bản, các nghiên cứu đã làm rõ được thực trạng, những mặt được, mặt chưa

được của các giải pháp cải cách DNNN cho đến nay; khoảng cách giữa thực trạng Việt Nam và thông lệ quốc tế về hoạt động của DNNN và yêu cầu tiếp tục đẩy mạnh cải cách.

Những vấn đề thuộc đề tài luận án các công trình nghiên cứu đã công bố còn để trống cần tiếp tục nghiên cứu giải quyết

- Các công trình nghiên cứu chưa đề cập đến tiến trình chuyển đổi sang KTTT và yêu cầu đổi mới, tái cơ cấu DNNN.

- Các công trình nghiên cứu chưa đề cập đến các yếu tố tác động đến tái cơ cấu trong tiến trình chuyển đổi sang KTTT.

- Trong nghiên cứu thực trạng khu vực DNNN ở Việt Nam

1.1.4. Những vấn đề luận án sẽ tập trung nghiên cứu giải quyết

Một là, luận án cần làm rõ đặc điểm, vai trò của DNNN trong mối quan hệ với KTTT, và nhu cầu đổi mới, tái cơ cấu DNNN, nội dung và phương thức tái cơ cấu DNNN.

Hai là, xây dựng lý thuyết về tiến trình chuyển đổi sang KTTT, xác định các giai đoạn chuyển đổi sang KTTT của Việt Nam và việc thúc đẩy nhu cầu tái cơ cấu DNNN.

Ba là, xác định các yếu tố tác động đến hoạt động tái cơ cấu DNNN trong tiến trình chuyển đổi sang KTTT.

Bốn là, nghiên cứu tình hình hoạt động của DNNN ở Việt Nam hiện nay và phân tích làm rõ thực trạng tái cơ cấu DNNN ở Việt Nam trong tiến trình chuyển đổi sang KTTT giai đoạn 2011 khi xuất hiện khái niệm cơ cấu DNNN đến 2019.

Năm là, đánh giá kết quả, những thành công, hạn chế và nguyên nhân của những thành công, hạn chế về tái cơ cấu DNNN trong tiến trình chuyển đổi sang KTTT.

Sáu là, trình bày các quan điểm, phương hướng của Đảng và Nhà nước Việt Nam về tái cơ cấu DNNN.

1.2. Hướng nghiên cứu của luận án

1.2.1. Mục tiêu nghiên cứu đề tài luận án

Mục tiêu tổng quát:

Hệ thống hóa, bổ sung, luận giải rõ hơn cơ sở lý luận và thực tiễn về tái cơ cấu DNNN trong tiến trình chuyển đổi sang KTTT và đề xuất

các giải pháp nâng cao chất lượng thực hiện tái cơ cấu DNNN trong bối cảnh chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường ở Việt Nam.

Mục tiêu cụ thể:

- Nghiên cứu, làm rõ khái niệm, đặc điểm, vai trò của DNNN, nội dung, phương thức tái cơ cấu DNNN;
- Làm rõ đặc điểm của KTTT, tiến trình chuyển đổi sang KTTT ở Việt Nam và những tác động của tiến trình chuyển đổi sang KTTT đến việc xác định vai trò của DNNN và sự cần thiết phải tái cơ cấu DNNN;
- Đánh giá khách quan thực trạng DNNN và tình hình tái cơ cấu DNNN giai đoạn 2011- 2020 ở Việt Nam;
- Đề xuất giải pháp hoàn thiện cơ chế chính sách và phương thức tổ chức thực hiện tái cơ cấu DNNN trong tiến trình chuyển đổi sang KTTT ở Việt Nam giai đoạn 2021-2030.

1.2.2. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

Câu hỏi nghiên cứu:

Có sự yếu kém, bất cập về tái cơ cấu DNNN trong tiến trình chuyển đổi sang kinh tế thị trường ở Việt Nam hay không, nếu giả thiết là có thì nguyên do đâu?

Giả thuyết nghiên cứu:

- Giả thuyết 1: Có sự yếu kém về tái cơ cấu DNNN trong tiến trình chuyển đổi sang kinh tế thị trường ở Việt Nam (như: tiến độ cổ phần hóa, thoái vốn chậm, chiến lược phát triển của DNNN chưa rõ, hiệu quả quản lý, đầu tư sản xuất kinh doanh thấp,...)

- Giả thuyết 2: Nguyên nhân của những yếu kém là do hệ thống chính sách, pháp luật về tái cơ cấu DNNN chưa hoàn thiện (vừa thiếu, vừa chồng chéo, khó triển khai).

- Giả thuyết 2: Nguyên nhân của những yếu kém do nhận thức của bộ phận cán bộ công chức chưa đầy đủ, chưa sẵn sàng ủng hộ đổi mới và tái cơ cấu DNNN.

- Giả thuyết 3: Nguyên nhân của những yếu kém là do có sự xung đột lợi ích công tư, giữa một bên là mục tiêu của Nhà nước với nhóm lợi ích, cán bộ, công chức quản lý, chính quyền địa phương.

- Giả thuyết 4: Nguyên nhân của những yếu kém là do có sự chậm trễ cổ phần hóa, thoái vốn trong các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước, ảnh hưởng đến tái cơ cấu DNNN.

- Giả thuyết 5: Có sự thất thoát, lãng phí trong tái cơ cấu DNNN,..

1.2.3. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu đề tài luận án

Đối tượng nghiên cứu: Các vấn đề lý luận và thực tiễn tái cơ cấu DNNN trong tiến trình chuyển đổi sang KTTT ở Việt Nam.

Phạm vi nghiên cứu:

- Về nội dung trọng tâm: Các chính sách và thực thi chính sách về định vị lại vai trò của kinh tế nhà nước mà chủ yếu là DNNN; tái cấu trúc danh mục tài sản nhà nước tại doanh nghiệp; tái cấu trúc quản trị doanh nghiệp

- Về không gian: Áp dụng đối với các DNNN ở Việt Nam

- Thời gian: Trong phạm vi luận án này tập trung nghiên cứu thực trạng tái cơ cấu DNNN từ năm 2011 đến 2020 và đề xuất phương hướng, giải pháp tiếp tục tái cơ cấu DNNN giai đoạn 2021-2030.

1.2.4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu đề tài luận án

- Cách tiếp cận : Luận án nghiên cứu dựa trên phương pháp luận giữa logic và chủ nghĩa duy vật lịch sử, luận án vận dụng lý thuyết về khoa học quản lý và kinh tế phát triển

- Phương pháp nghiên cứu: Phương pháp phân loại và hệ thống hóa lý thuyết, phương pháp thống kê phân tích, phương pháp tổng hợp, phương pháp phân tích và dự báo

- Khung phân tích của luận án.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TÁI CƠ CẤU DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRONG TIẾN TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SANG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

2.1. Doanh nghiệp nhà nước trong tiến trình chuyển sang kinh tế thị trường

2.1.1. Những vấn đề cơ bản về doanh nghiệp nhà nước

- *Khái niệm, đặc điểm doanh nghiệp nhà nước*

"DNNN là doanh nghiệp do nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ để chi phối hoạt động của doanh nghiệp theo mục tiêu của Nhà nước, trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc thị trường".

Đặc điểm của DNNN thể hiện ở những phương diện cơ bản sau đây:

+ Về sở hữu và quản lý: DNNN là tổ chức kinh tế do Nhà nước sở hữu từ trên 50 % - 100% vốn điều lệ

+ Về hình thức tổ chức doanh nghiệp: DNNN không phải là một loại hình doanh nghiệp, do đó không có mô hình tổ chức riêng. Doanh nghiệp nhà nước tổ chức theo chế độ công ty, hoặc là công ty cổ phần, hoặc là công ty trách nhiệm hữu hạn.

+ Về lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chủ yếu: thông qua DNNN, Nhà nước thực hiện chức năng cung cấp hàng hóa, dịch vụ mà khu vực tư nhân không muốn làm vì lợi nhuận thấp, không làm được vì đòi hỏi vốn lớn, thu hồi vốn chậm, hoặc những lĩnh vực liên quan đến an ninh, quốc phòng, đảm bảo lợi ích cộng đồng

+ Mục tiêu hoạt động: Mục tiêu hoạt động của DNNN chính là mục tiêu của chủ sở hữu doanh nghiệp.

+ Về trách nhiệm của doanh nghiệp: Doanh nghiệp nhà nước là một pháp nhân chịu trách nhiệm hữu hạn về mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh trong phạm vi số vốn Nhà nước giao.

- *Vai trò của doanh nghiệp nhà nước*

Vai trò DNN thể hiện trên các bình diện sau đây:

+ Doanh nghiệp nhà nước giữ vai trò then chốt trong nền kinh tế.

+ Doanh nghiệp nhà nước là tổ chức kinh tế của Nhà nước, thực hiện vai trò của Nhà nước, sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ cho nhu cầu xã hội, bảo đảm sự ổn định thị trường.

+ Doanh nghiệp nhà nước dẫn dắt các thành phần kinh tế ngoài khu vực nhà nước (doanh nghiệp của tư nhân, tập thể, hộ kinh doanh cá thể) phát triển

+ Doanh nghiệp nhà nước tạo việc làm và thu nhập cho người dân, đảm bảo ổn định xã hội.

2.1.2. Tiến trình chuyển đổi sang kinh tế thị trường tác động đến doanh nghiệp nhà nước

- *Kinh tế thị trường và những tác động của kinh tế thị trường:*

+ Kinh tế thị trường là hình thức tổ chức sản xuất phổ biến ở cả các nước phát triển và các nước đang phát triển. Về bản chất, kinh tế thị trường là nền kinh tế trong đó các quan hệ thị trường quyết định sự phân bổ nguồn lực thông qua hệ thống giá cả

+ Đặc điểm cơ bản của kinh tế thị trường thể hiện trên các phương diện sau đây:

Thứ nhất, cơ chế vận hành của kinh tế thị trường là tự do cạnh tranh

Thứ hai, kinh tế thị trường là nền kinh tế dựa trên hệ thống thị trường đồng bộ, hạ tầng kỹ thuật phát triển cao.

Thứ ba, kinh tế thị trường là nền kinh tế đa sở hữu, có nhiều thành phần, nhiều chủ thể tham gia.

- *Những tác động của tiến trình chuyển đổi sang kinh tế thị trường đến doanh nghiệp nhà nước*

Tiến trình là danh từ chỉ đường đi tới, hay quá trình tiến hành một công việc, theo lộ trình, kế hoạch. Theo tiếng Latinh, tiến trình là "processus", phản ánh sự chuyển động, sự việc xảy ra tự nhiên hay sự liên tiếp các thao tác có mục đích.

Tiến trình chuyển đổi sang KTTT của một nước là các mốc thời gian thực hiện từng mục tiêu hoàn thành những công việc, những nhiệm vụ nhà nước cần làm, để hoàn thiện KTTT. Tại Việt Nam, tiến trình chuyển đổi sang KTTT được xác định từ năm 1986 đến nay.

Trong nền kinh tế thị trường năng động, sáng tạo, biến đổi nhanh, hầu hết các DNNN hình thành trong cơ chế bao cấp trở nên nhanh lạc hậu, trì trệ, không theo kịp về quản lý, kinh doanh và phân phối,..DNNN đầu tư dàn trải, nhận sự hỗ trợ từ nhà nước, gây ra bất bình đẳng, cản trở động lực cạnh tranh của KTTT. Để đáp ứng yêu cầu của KTTT, các nước chuyển đổi đã và đang thực hiện các bước đổi mới doanh nghiệp của mình. Có thể chia tiến trình đổi mới và tái cơ cấu DNNN ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay thành 3 giai đoạn:

Giai đoạn từ năm 1986 – 2000: Trong giai đoạn này, DNNN được xác định rõ về địa vị pháp lý, cũng như phạm vi lĩnh vực kinh doanh thông qua Luật Doanh nghiệp nhà nước (1995).

Giai đoạn 2001 – 2011: DNNN chi phối các ngành, lĩnh vực then chốt và sản phẩm thiết yếu của nền kinh tế, góp phần chủ yếu để kinh tế nhà nước thực hiện được vai trò chủ đạo, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội. Cũng trong giai đoạn này, các khoản nợ từ khối DNNN không có khả năng thanh toán tăng lên, lao động thiếu việc làm và dôi dư còn lớn. Do đó, cần phải sắp xếp lại cả doanh nghiệp công ích và doanh nghiệp kinh doanh.

Giai đoạn 2011 - 2021: Đây là giai đoạn đột phá chiến lược, định hướng phát triển kinh tế - xã hội, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế là phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp, hình thành đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững. Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, trọng tâm là cơ cấu lại các ngành sản xuất, dịch vụ phù hợp với các vùng; thúc đẩy cơ cấu lại doanh nghiệp và điều chỉnh chiến lược thị trường; tăng nhanh giá trị nội địa, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và của cả nền kinh tế; phát triển kinh tế tri thức. Trên cơ sở Nghị quyết Trung ương lần thứ 3, Ban chấp hành Trung ương Khóa XI (2011) về sắp xếp, đổi mới DNNN, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17/7/2012 phê duyệt Đề án "Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011 - 2015". Mục tiêu của Đề án là tái cơ cấu để DNNN tập trung vào lĩnh vực then chốt và nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp. Qua quá trình triển khai, năm 2017, Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 3/6/2017 về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả DNNN.

2.2. Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước trong tiến trình chuyển đổi sang kinh tế thị trường

2.2.1. Khái niệm, nội dung tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước trong tiến trình chuyển đổi sang kinh tế thị trường

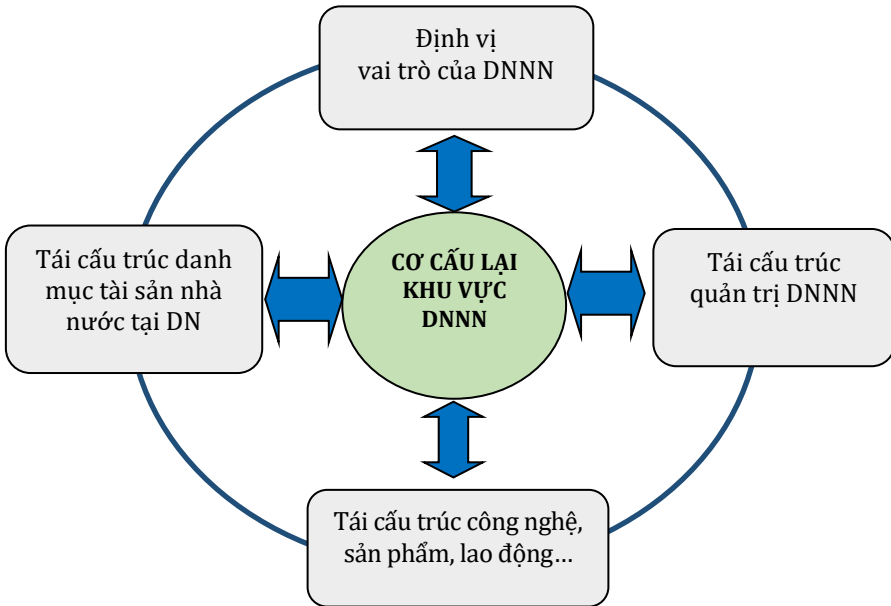
- Khái niệm tái cơ cấu DNNN:

Cơ cấu lại DNNN hay tái cơ cấu DNNN là việc tổ chức các hoạt động của doanh nghiệp theo cách thức mới, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Tái cơ cấu DNNN ở các nước đang chuyển đổi sang KTTT là việc giải quyết vấn đề yếu kém, nhằm cải thiện hoạt động của DNNN, hướng tới làm cho các doanh nghiệp này hoạt động có hiệu quả hơn

Như vậy, tái cơ cấu DNNN trong tiến trình chuyển đổi sang nền KTTT được hiểu là *toàn bộ những đổi mới về thể chế, pháp luật và triển khai thực hiện việc phân bổ, quản lý và sử dụng nguồn lực nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp theo nguyên tắc thị trường, nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế của các nguồn lực này.*

- Nội dung tái cơ cấu DNNN: tái cơ cấu DNNN tập trung vào việc (i) định vị lại vai trò của kinh tế nhà nước, mà chủ yếu là DNNN; (ii) tái cấu trúc danh mục tài sản nhà nước tại doanh nghiệp; (iii) tái cấu trúc quản trị DNNN và (iv) tái cơ cấu công nghệ, sản phẩm và dịch vụ của doanh nghiệp nhà nước.



Hình 2.1: Khung khổ tái cơ cấu khu vực DNNN

2.2.2. Phương thức tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước trong tiến trình chuyển đổi sang kinh tế thị trường

Các phương thức tái cơ cấu DNNN bao gồm các phương thức sau:

- *Phân loại, sắp xếp, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, phá sản các doanh nghiệp nhà nước làm ăn thua lỗ, kém hiệu quả, chuyển cơ quan quản lý*

- *Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước*

Cổ phần hóa DNNN là biện pháp cơ bản và quan trọng nhất trong các hình thức tái cơ cấu DNNN.

- *Giao bán các doanh nghiệp nhà nước thua lỗ, kém hiệu quả trong những ngành, lĩnh vực mà Nhà nước không cần nắm giữ*

Biện pháp này được thực hiện từ cuối những năm 1990 và có hiệu quả tích cực do được chuyển giao hoàn toàn về sở hữu. Trên thực tế, giao, bán chỉ được diễn ra nhiều ở các DN địa phương, DNNN vừa và nhỏ và đang bị thua lỗ. Do đó, đối tượng này đang bị thu hẹp và ít xuất hiện trong những năm gần đây.

- *Chuyển đổi mô hình doanh nghiệp thành công ty TNHH*

Chuyển đổi DNNN thành công ty TNHH một thành viên và tổ chức quản lý công ty do Nhà nước làm chủ sở hữu, nhằm thay đổi cơ cấu tổ chức, quản lý theo cơ chế KTTT là sử đổi mới phù hợp.

- *Thành lập tập đoàn kinh tế và chuyển đổi theo mô hình công ty mẹ - công ty con*

Việc hình thành công ty mẹ - công ty con và tập đoàn kinh tế xuất phát từ nhu cầu sử dụng lợi thế của quy mô và lợi thế kinh tế và năng lực tài chính của chính những doanh nghiệp chủ chốt.

2.3. Các yếu tố tác động tới tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước

2.3.1. Yếu tố chính trị

Khi xác định hình thức tổ chức và thực hiện tái cơ cấu DNNN phải phù hợp với định hướng, mục tiêu xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của nhà nước. Nhà nước phải xác định được mục tiêu của chủ sở hữu nhà nước và lộ trình vững vàng để cải cách.

2.3.3. Kinh tế

Mức độ hoàn thiện của KTTT và tính ổn định, mức độ phát triển của nền kinh tế chi phối tiến độ và hiệu quả tái cơ cấu DNNN.

2.3.4. Năng lực của cán bộ, công chức và người quản lý doanh nghiệp

Năng lực nhận thức và thái độ, trách nhiệm của người đứng đầu các bộ ngành, địa phương và lãnh đạo các doanh nghiệp là yếu tố chi phối mạnh mẽ tái cơ cấu DNNN.

2.3.5. Hội nhập kinh tế quốc tế

Thông lệ và luật pháp quốc tế, tình hình kinh tế, chính trị, thương mại của khu vực và thế giới chi phối hoạt động tái cơ cấu DNNN ở những mức độ khác nhau, tùy thuộc vào mức độ hội nhập và tham gia của mỗi nước.

2.4. Kinh nghiệm tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước của một số nước và bài học cho Việt Nam

2.4.1. Kinh nghiệm tái cơ cấu DNNN của một số nước trên thế giới

2.4.1.1. Kinh nghiệm tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước của Trung Quốc

Quan điểm về cải cách DNNN của Trung Quốc phù hợp với nền kinh tế thị trường XHCN. Những năm gần đây, Trung Quốc có bước đột phá về lý luận trong cải cách DNNN. Thứ nhất, lý luận về xây dựng nền KTTT XHCN mang màu sắc Trung Quốc; thứ hai, lý luận về chế độ sở hữu; thứ ba, lý luận về chế độ doanh nghiệp hiện đại. Nội dung cơ bản của lý luận cải cách DNNN ở Trung Quốc, trong đó lấy chế độ doanh nghiệp hiện đại làm trọng tâm, tăng cường sức sống và khả năng cạnh tranh của khu vực KTNN làm mục đích cao nhất.

2.4.1.2. Kinh nghiệm cải các doanh nghiệp nhà nước ở Hàn Quốc

Quá trình tái cơ cấu khu vực doanh nghiệp được thực hiện thông qua các biện pháp sau:

Biện pháp 1: Nguyên tắc 5+3 đối với quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp

Biện pháp 2: Chỉ định các tập đoàn lớn xem xét tái cơ cấu lại vốn

Biện pháp 3: Hạn chế việc nắm giữ cổ phần trong các công ty khác và bảo lãnh các khoản nợ chéo

Biện pháp 4: Loại bỏ các công ty yếu kém và hoán đổi kinh doanh giữa các tập đoàn lớn

Biện pháp 5: Tái cơ cấu quản trị doanh nghiệp

2.4.2. Một số bài học cho Việt Nam từ kinh nghiệm nước ngoài về tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước

Một là, định vị vai trò của DNNN phù hợp với thông lệ phát triển kinh tế thị trường.

Hai là, pháp luật và thực thi pháp luật phải đồng bộ và thực sự bảo đảm cạnh tranh bình đẳng giữa DNNN với các loại hình doanh nghiệp khác

Ba là, quản trị, quản lý và điều hành DNNN phải thực sự theo cơ chế thị trường, trên nguyên tắc kinh doanh

Bốn là, dứt khoát không để cơ hội hình thành các mối quan hệ lợi ích, trục lợi từ vốn và tài sản nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh

Chương 3

THỰC TRẠNG TÁI CƠ CẤU DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRONG TIẾN TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SANG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2011-2020

3.1. Thực trạng doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2011-2020

Theo Tổng cục Thống kê, tính đến năm 2019, tổng số doanh nghiệp đang hoạt động là trên 714 nghìn doanh nghiệp, số doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh là trên 626 nghìn doanh nghiệp. Trong đó, DNNN chiếm 0,38% về số lượng doanh nghiệp, 7,6% lao động, 28,6% tổng nguồn vốn và riêng doanh nghiệp 100% vốn nhà nước chiếm 0,18% về số lượng doanh nghiệp, 4,3% lao động, 12,9% tổng nguồn vốn.

Nói chung giai đoạn 2011-2020, các DNNN đã cố gắng thực hiện nhiệm vụ được giao, đạt nhiều kết quả tích cực đáng ghi nhận, đảm bảo cung cấp nhiều sản phẩm quan trọng cho phát triển kinh tế như năng lượng, viễn thông, tài chính, tín dụng. Tổng giá trị vốn chủ sở hữu nhà nước được bảo toàn và phát triển; tỷ lệ DNNN thua lỗ giảm rõ rệt; tỷ suất lợi nhuận và hiệu suất sử dụng lao động của DNNN cao hơn mức bình quân chung của toàn bộ khu vực doanh nghiệp.

Tuy nhiên chất lượng tăng trưởng và hiệu quả đầu tư bình quân của khu vực DNNN còn thấp: Trong thời gian qua, DNNN có tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận thấp hơn tốc độ tăng trưởng

nguồn vốn kinh doanh. So với doanh nghiệp ngoài nhà nước và doanh nghiệp FDI, DNNN có tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận thấp hơn. Nói cách khác, DNNN đang phải sử dụng nhiều vốn hơn để tạo ra 1 đơn vị giá trị sản phẩm đầu ra, là một yếu tố làm giảm hiệu quả đầu tư của DNNN.

3.2. Thực trạng tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2011-2020

3.2.1. Định vị lại vai trò của doanh nghiệp nhà nước trong tiến trình tái cơ cấu

Trong kế hoạch 2011-2015, DNNN được giao vai trò làm nòng cốt để kinh tế nhà nước thực hiện được vai trò chủ đạo, là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng, điều tiết nền kinh tế và ổn định kinh tế vĩ mô.

Năm 2016, Đại hội lần thứ XII của Đảng ta xác định: "DNNN tập trung vào những lĩnh vực then chốt, thiết yếu; những địa bàn quan trọng và quốc phòng, an ninh; những lĩnh vực mà doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác không đầu tư". Vai trò của DNNN đã thay đổi. Chức năng cơ bản và dài hạn của DNNN không còn là công cụ của Nhà nước để dẫn dắt nền kinh tế và các doanh nghiệp, mà chỉ tập trung vào việc đảm bảo các sản phẩm, dịch vụ thiết yếu cần thiết cho phát triển kinh tế xã hội mà các thành phần kinh tế khác chưa hoặc không muốn đầu tư theo cơ chế thị trường.

Theo tinh thần đó, DNNN ngày càng giảm dần vai trò của mình trong hoạt động kinh tế vì lợi nhuận, chỉ chiếm vai trò chủ đạo ở một số lĩnh vực, ngành kinh tế chủ chốt.

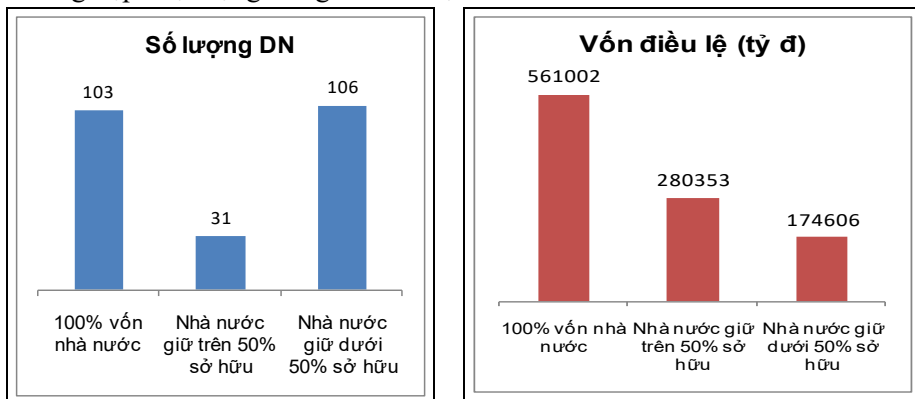
Tuy nhiên thực tế trong giai đoạn 2011-2020, DNNN vẫn còn vai trò và chiếm tỷ trọng trong các ngành kinh tế then chốt, mũi nhọn. Cụ thể: DNNN có vai trò lớn trong đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia; Đối với ngành xăng dầu, Tập đoàn xăng dầu Việt Nam Petrolimex chiếm khoảng 50% thị phần bán lẻ trong nước; tỷ trọng của DNNN ngành tài chính, ngân hàng vẫn duy trì vị trí thống lĩnh; DNNN đang giữ vai trò chi phối ngành viễn thông, thông tin, liên lạc...

Qua đó cho thấy, DNNN còn lại số lượng nhỏ trong nền kinh tế nhưng vẫn nắm giữ vai trò hết sức quan trọng và chiếm tỷ trọng cao

trong nguồn lực của quốc gia. Do vậy mục tiêu giảm thiểu số lượng vai trò của DNNN vẫn chưa đạt được như kế hoạch tái cơ cấu.

3.2.2. Cơ cấu lại danh mục tài sản nhà nước tại doanh nghiệp

- *Xác định danh mục doanh nghiệp tiếp tục duy trì sở hữu nhà nước*: Tiêu chí phân loại DNNN đã thay đổi nhiều lần để phù hợp với vai trò của DNNN trong từng thời kỳ. Trong 15 năm, từ năm 2001-2016, Thủ tướng Chính phủ đã 6 lần ban hành các tiêu chí phân loại DNNN. Xu hướng của việc điều chỉnh tiêu chí phân loại DNNN là giảm số lượng ngành, lĩnh vực duy trì doanh nghiệp 100% sở hữu nhà nước, từ trên 60 ngành, lĩnh vực năm 2002 xuống còn 11 ngành, lĩnh vực năm 2016. Ngày 28/12/2016 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg về tiêu chí phân loại DNNN, doanh nghiệp có vốn nhà nước và Danh mục DNNN thực hiện sắp xếp giai đoạn 2020, trong đó Nhà nước chỉ nắm 100% vốn điều lệ tại 103 doanh nghiệp hoạt động trong 11 lĩnh vực.



Hình 3.1: Phân loại DNNN thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn 2016-2020

Thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước thời gian qua:

a) Các kết quả cổ phần hóa, thoái vốn giai đoạn 2011-2015

Cơ quan có thẩm quyền đã phê duyệt phương án cổ phần hóa của 508 doanh nghiệp, đạt trên 98% kế hoạch (năm 2011 là 14 doanh nghiệp, năm 2012 là 26 doanh nghiệp, năm 2013 là 73 doanh nghiệp, năm 2014 là 175 doanh nghiệp và năm 2015 là 220 doanh nghiệp). Trong đó, Nhà nước nắm giữ trên 90% vốn điều lệ tại 5 doanh nghiệp,

trên 65% vốn điều lệ tại 108 doanh nghiệp, trên 50% vốn điều lệ tại 154 doanh nghiệp.

Về thoái vốn, cả nước đã thoái được 26.222 tỷ đồng (giá trị sổ sách), thu về 36.537 tỷ đồng (bằng 1,40 lần giá trị sổ sách). Trong đó: Thoái vốn đầu tư ngoài ngành (chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm, bất động sản, quỹ đầu tư) là 9.835 tỷ đồng, thu về 11.086 tỷ đồng (bằng 1,1 lần giá trị sổ sách), đạt 42% kế hoạch; chuyển nhượng vốn nhà nước tại các doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm giữ 16.387 tỷ đồng, thu về 25.451 tỷ đồng (bằng 1,6 lần giá trị sổ sách)

b) Kết quả cổ phần hóa, thoái vốn giai đoạn 2016-2020

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Văn bản số 991/TTg-ĐMDN ngày 10/07/2017 về danh mục 128 DNNN cổ phần hóa đến năm 2020 và Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/08/2017 về danh mục thoái vốn đến năm 2020 với số vốn cần thoái khoảng 60 nghìn tỷ đồng tại 406 doanh nghiệp. Số lượng doanh nghiệp đã được phê duyệt phương án cổ phần hóa từ 2016 đến năm 2019 là 168 doanh nghiệp với tổng giá trị doanh nghiệp là 443.056 tỷ đồng, trong đó giá trị vốn nhà nước là 206.694 tỷ đồng. Tổng số vốn thoái là 24.157 tỷ đồng, thu về 169.787 tỷ đồng.

- Về chính sách sở hữu đối với từng doanh nghiệp nhà nước

Thực tế giai đoạn tái cơ cấu 2011-2015 và từ năm 2016 đến nay cho thấy, chưa có đổi mới về nội dung này. Việc xác định nhiệm vụ hàng năm chủ yếu dưới hình thức phê duyệt kế hoạch đăng ký của doanh nghiệp, chưa thể hiện được trách nhiệm cũng như mong muốn và kỳ vọng của cơ quan chủ sở hữu đối với DNNN trực thuộc.

Với cơ chế đó, chính sách chủ sở hữu tại DNNN là chưa rõ ràng, không đầy đủ và thiếu đồng bộ để tạo cơ sở hình thành một khung quản trị thống nhất. Nội dung của chính sách sở hữu (mục tiêu, yêu cầu, các chỉ tiêu giám sát, đánh giá...) bị phân tách, chia nhỏ và thiếu gắn kết do được đặt ở nhiều hình thức văn bản. Mục tiêu trung và dài hạn của chủ sở hữu đối với từng DNNN hầu như chưa rõ, thiếu các chỉ tiêu định lượng.

- Về tổ chức bộ máy thực hiện chức năng chủ sở hữu nhà nước: Về chủ trương và pháp luật, trong giai đoạn tái cơ cấu 2011-2015 và từ

năm 2016 đến nay đã có nhiều đổi mới về nội dung này. Kết luận số 40-TB/TW ngày 14/9/2017 của Bộ chính trị về Đề án “ Thành lập cơ quan chuyên trách làm đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước tại doanh nghiệp”. Do vậy Chính phủ đã thành lập Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp theo Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ

- Về việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp về tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước

Lũy kế đến nay, SCIC đã tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại hơn 1.000 doanh nghiệp với tổng giá trị vốn nhà nước tiếp nhận hơn 9.900 tỷ đồng (theo giá thị trường là 15.000 tỷ đồng), tương đương gần 1% tổng số vốn nhà nước tại doanh nghiệp, trong đó hơn 80% là doanh nghiệp nhỏ hoạt động kém hiệu quả; số doanh nghiệp thuộc diện kiểm soát đặc biệt, thua lỗ chiếm gần 7%.

- Giám sát doanh nghiệp nhà nước: công tác giám sát DNNN và giám sát việc quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp còn nhiều bất cập về vấn đề sử dụng vốn, công khai minh bạch tài chính, thông tin về DNNN, công cụ giám sát chủ yếu báo cáo định kì của DNNN, chưa đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

- Công bố thông tin và minh bạch hóa hoạt động của doanh nghiệp nhà nước: đối với từng DNNN, tình trạng doanh nghiệp không công bố hoặc chậm công bố thông tin vẫn còn phổ biến

- Về cơ chế quản lý, điều hành và tái cấu trúc nội bộ trong các doanh nghiệp nhà nước: các quy định ban hành trong thời gian qua đã xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của những người quản lý doanh nghiệp nhà nước. Hệ thống văn bản pháp luật về quản lý cán bộ, lao động và tiền lương trong DNNN tương đối đầy đủ và đồng bộ. Tuy vậy, nhìn chung cách thức quản lý, điều hành nội bộ của nhiều DNNN đang là một khâu yếu và đổi mới chậm. Quản trị lao động trong nội bộ doanh nghiệp còn yếu, trình độ quản lý, năng lực lãnh đạo, quản trị doanh nghiệp của cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước còn nhiều hạn chế.

- Về việc thiết chặt kỷ luật tài chính, kỷ luật ngân sách đối với doanh nghiệp nhà nước: hợp chưa tuân thủ nguyên tắc ràng buộc ngân sách và kỷ luật tài chính đối với DNNN.

3.3. Đánh giá thực trạng tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2011-2020

3.3.1. Những kết quả đạt được

- Về xác định vai trò của DNNN: Đến giai đoạn 2011-2020, Nghị quyết Trung ương 5 khóa XII không còn quan điểm DNNN phải chiếm thị phần chi phối với các sản phẩm chủ yếu

- Về thoái vốn và cổ phần hóa DNNN: việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần làm thay đổi cấu trúc và cách thức quản trị doanh nghiệp; Mô hình quản trị công ty được tổ chức chặt chẽ hơn với nhiều hệ thống quy định, nguyên tắc, quy chế, nhằm bảo đảm vận hành hoạt động doanh nghiệp có hiệu quả; sau cổ phần hóa, các nhà đầu tư và cổ đông đã được đảm bảo tham gia quản trị doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, lợi ích của chủ sở hữu nhà nước ngày càng được đảm bảo...

- Về quản trị DNNN so với thông lệ quốc tế: Quy định tương đối đầy đủ, đồng bộ về quan hệ kinh tế, tài chính giữa Nhà nước và DNNN

3.3.2. Những hạn chế

- Vai trò của DNNN vẫn chưa đúng yêu cầu đặt ra của tiến trình tái cơ cấu

- Cổ phần hóa, thoái vốn tại doanh nghiệp nhà nước còn chậm

- Cơ chế quản trị DNNN chậm được đổi mới, chưa phù hợp với thông lệ, chuẩn mực quốc tế, tính công khai minh bạch còn hạn chế.

3.3.3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan: Do thị trường trong nước và trên thế giới liên tục có nhiều biến động

- Nguyên nhân chủ quan: Nhóm nguyên nhân từ thể chế, cơ chế quản lý, quản trị DNNN; một số nguyên nhân xuất phát từ nội bộ các DNNN.

3.4. Những vấn đề đặt ra đối với tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước trong thời gian tới

Một là nền KTTT định hướng XHCN mà chúng ta đang xây dựng là một nền kinh tế mang tính đặc thù.

Hai là để phát triển nền kinh tế Việt Nam không thể chỉ dựa vào một thành phần kinh tế nào, mà cần khơi dậy được mọi tiềm năng, mọi nguồn lực của đất nước.

Ba là với việc tái cơ cấu DNNN, cần phát hiện biểu hiện lợi ích nhóm, biểu hiện chủ nghĩa tư bản thân hữu đang diễn ra trong nền kinh tế...

Chương 4

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TÁI CƠ CẤU DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRONG TIẾN TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SANG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG TẠI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2021-2030

4.1. Bối cảnh và các chủ trương chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ảnh hưởng tới tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước trong thời gian tới

4.1.1. Bối cảnh trong nước và quốc tế tác động tới tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước

- Bối cảnh trong nước:

+ Cải cách DNNN đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận, nhưng chưa đạt mục tiêu đề ra và kéo dài quá lâu,

+ Chính sách thành phần kinh tế đã có bước đổi mới khi Đảng và Nhà nước đã xác định kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế;

+ Thể chế kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã được hoàn thiện một bước.

- Bối cảnh quốc tế:

+ Xu hướng hội nhập vẫn là chủ đạo, phát triển mạnh khoa học và công nghệ, cách mạng công nghiệp 4.0;

+ DNNN và hành xử của chủ sở hữu nhà nước phải phù hợp với thông lệ chung.

4.1.2. Các định hướng của Đảng và Nhà nước về tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước

4.2. Quan điểm và định hướng tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam trong giai đoạn tới

4.2.1. Quan điểm tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam trong giai đoạn tới

- Đổi mới quan điểm về vị trí vai trò của doanh nghiệp nhà nước: Trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta, vị trí vai trò của DNNN gắn liền với vai trò của KTNN và phụ thuộc và vai trò của KTNN trong KTTT định hướng XHCN; điều chỉnh ngành, lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp nhà nước để hướng tới vai trò, vị trí mới của doanh nghiệp nhà nước

- Đổi mới quan điểm về mô hình quản trị doanh nghiệp nhà nước: Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 704/QĐ-TTg ngày 11/6/2012 phê duyệt Đề án đổi mới quản trị DN theo thông lệ kinh tế thị trường

4.2.2. Định hướng tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước

Định hướng của Đảng và Nhà nước đối với tái cơ cấu DNNN theo thông lệ quốc tế và yêu cầu của KTTT định hướng XHCN bao gồm:

- Tái cơ cấu ngành, lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp nhà nước
- Tái cơ cấu vị trí chi phối, độc quyền của doanh nghiệp nhà nước
- Tái cơ cấu chính sách của Nhà nước về doanh nghiệp nhà nước
- Tái cơ cấu vị thế kép của Nhà nước trong quan hệ với doanh nghiệp nhà nước
- Tái cơ cấu về quản trị doanh nghiệp nhà nước

4.3. Giải pháp tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2021-2030

4.3.1. Các giải pháp từ phía Nhà nước

- Phân định rõ ngành nghề nhà nước cần nắm giữ

Phân định rõ những ngành nào Nhà nước cần nắm giữ 100% vốn, ngành nào cần nắm giữ cổ phần chi phối, ngành nào không cần. Thông

qua đó, thu hẹp số lượng ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh cần có DNNN. Tập trung hoạt động của DNNN vào một số ngành, nghề, lĩnh vực đảm bảo lợi ích kinh tế quốc gia, quốc phòng, an ninh, dịch vụ công ích, kết cấu hạ tầng, khoa học công nghệ cao.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước

Nâng cao năng lực cạnh tranh cho các DNNN, đặt các DNNN vào môi trường cạnh tranh, tách biệt vai trò công ích với sản xuất kinh doanh theo kinh tế thị trường. Ngoài ra, cần xóa bỏ mọi hình thức ưu đãi đối với DNNN, đối xử bình đẳng như các loại hình DN khác. Cần phân biệt vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế với vai trò của kinh tế nhà nước, vai trò, vị trí của DNNN

- Hoàn thiện cơ chế đầu tư, sử dụng vốn nhà nước

Chính phủ cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế, thể chế quản lý về đầu tư, sử dụng vốn và tài sản Nhà nước; về giám sát, kiểm tra, thanh tra; về tổ chức thực hiện chức năng của chủ sở hữu đối với tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước. Chính sách đầu tư và sở hữu bao gồm: (i) chính sách chủ sở hữu do Nhà nước thực hiện quyền chủ sở hữu tại doanh nghiệp; (ii) chính sách chủ sở hữu của Chính phủ, cụ thể hóa chính sách chủ sở hữu của Quốc hội, và xác định chính sách chủ sở hữu đối với từng ngành kinh tế; và cuối cùng là chính sách chủ sở hữu của Cơ quan chủ sở hữu (cấp bộ).

- Tiếp tục đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo hướng thực chất và hiệu quả

Nhà nước cần tập trung hoàn thành kế hoạch cổ phần hóa DNNN, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm trong các năm 2021 - 2030. Nghiêm túc thực hiện cơ chế thị trường và quy định của pháp luật trong cổ phần hoá, không để xảy ra tiêu cực, thất thoát vốn, tài sản.

Giai đoạn 2021-2030 Nhà nước cần hoàn thiện các thể chế chính sách thúc đẩy thoái vốn tại các DN cổ phần này, nhà nước chỉ nắm giữ vốn bằng với mức sàn quy định của pháp luật. Đồng thời, Chính phủ triển khai thực hiện nhiều cơ chế, chính sách có tính đột phá trong việc thoái vốn nhà nước

- Đa dạng hóa việc chuyển đổi hình thức sở hữu

Việc chuyển đổi hình thức sở hữu của các công ty TNHH một thành viên không nên chỉ theo hình thức cổ phần hóa mà nên có cơ chế chuyển đổi công ty TNHH hai thành viên trở lên. Rà soát các công ty được cổ phần hóa không hiệu quả mà không thuộc danh mục nhà nước cần nắm giữ thì nên bán toàn bộ cho tư nhân đầu tư hiệu quả hơn.

- Cơ cấu lại nhân lực quản trị, người đại diện theo ủy quyền và người đại diện vốn

Rà soát đánh giá lại nhân lực quản trị của các DNNN, đặc biệt là những người đại diện sở hữu, vốn, đại diện theo ủy quyền ở các cấp, các tầng DN kể cả đại diện ủy quyền từ các cơ quan nhà nước; bảo đảm năng lực đại diện, trách nhiệm đại diện, cơ chế thông tin, báo cáo, trách nhiệm giải trình trước người ủy quyền, trước cơ quan cử đại diện vốn. Bổ sung cơ chế đào thải, các chế tài đủ mạnh dựa trên các tiêu chí minh bạch, rõ ràng để thực hiện.

- Cơ cấu lại hệ thống giám sát, kiểm soát đối với doanh nghiệp nhà nước

+ Xây dựng hệ thống thông tin đầy đủ, tin cậy, cập nhật về các tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty và các doanh nghiệp nhà nước.

+ Xây dựng hệ thống tiêu chí và phương pháp giám sát, kiểm soát, đánh giá của chủ sở hữu đối với các DNNN.

+ Xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách và chuyên nghiệp đại diện cho Nhà nước thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm soát.

+ Xây dựng chế tài đủ mạnh để mọi hoạt động của DNNN, đặc biệt là các tập đoàn kinh tế và các tổng công ty nhà nước phải minh bạch hóa, công khai hóa và kiểm toán tin cậy hàng năm.

- Hoàn thiện khung pháp luật điều chỉnh hoạt động của doanh nghiệp nhà nước và thực hiện quyền chủ sở hữu của Nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước

Tiếp tục hoàn thiện và đổi mới hệ thống pháp luật để tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho việc nâng cao hiệu lực và hiệu quả của quản lý của Nhà nước đối với DNNN và xóa bỏ tình trạng chùng

chéo của nhiều cơ quan Nhà nước cùng thực hiện chức năng sở hữu tại DNNN.

4.3.2. Các giải pháp từ phía doanh nghiệp nhà nước

- *Nhóm giải pháp về quản trị doanh nghiệp:* Xây dựng đội ngũ nhân lực chất lượng cao, áp dụng chế độ quản trị công ty hiện đại tại các DNNN, Tổ chức lại mạng lưới phân phối và xây dựng thương hiệu, tổ chức lại sản xuất kinh doanh hiệu quả, hình trang doanh nghiệp theo hướng hiện đại hóa; doanh nghiệp cần xây dựng chế độ lương đối với người quản lý doanh nghiệp một cách linh hoạt, tương ứng với thị trường. Tách biệt và phân biệt quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm và chức năng của người quản lý doanh nghiệp với các công chức, viên chức khác của nhà nước

- *Nhóm giải pháp về hoạt động theo cơ chế thị trường:* Nhà nước và DNNN phải tuân thủ đầy đủ nguyên tắc “lời ăn, lỗ chịu”; doanh nghiệp nhà nước cần xác định: Nhiệm vụ của DNNN là bảo toàn và phát triển được vốn đầu tư của nhà nước; DNNN cần tuân thủ hệ thống giám sát doanh nghiệp, hệ thống thông tin quản lý doanh nghiệp được Nhà nước và cơ quan quản lý vốn nhà nước thiết lập

- Nhóm giải pháp khác

DNNN cần đánh giá đúng tầm quan trọng của việc tái cơ cấu; phải kiên quyết, kiên trì một quá trình đổi mới, cải cách thể chế kinh doanh; cần được trang bị kiến thức đầy đủ; xây dựng thời điểm thích hợp để tái cơ cấu, nắm chắc thông tin thị trường, có giải pháp xử lý và dự báo tốt.

- DNNN phải tuân thủ đầy đủ kỷ luật và chuẩn mực thị trường trong đầu tư và kinh doanh; cạnh tranh bình đẳng với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác theo quy định của pháp luật.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Tái cơ cấu Doanh nghiệp nhà nước luôn được Đảng, Chính phủ quan tâm và chỉ đạo thực hiện gắt gao trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Qua xác định lý luận liên quan đến tái cơ cấu DNNN trong bối cảnh nền kinh tế nước ta đang trong quá trình chuyển đổi sang kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa, hội nhập sâu rộng với kinh tế thế giới; phân tích thực trạng, kết quả đã đạt được trong tái cơ cấu DNNN giai đoạn 2011-2020, làm rõ những kết quả đã đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân, đề xuất các giải pháp thúc đẩy tái cơ cấu DNNN giai đoạn 2021-2030 Luận án đã đạt được các kết quả sau:

(1) Hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, kinh tế thị trường và kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa; khái niệm về doanh nghiệp nhà nước, bối cảnh nền kinh tế nước ta, từ đó làm rõ tính tất yếu cần phải tiếp tục thúc đẩy tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước.

(2) Đánh giá có căn cứ khoa học thực trạng về mặt định lượng kết quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, chỉ ra những tồn tại, hạn chế về thực hiện kế hoạch tổng thể về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước, những tồn tại trong áp dụng cơ chế, chính sách, sự bất cập của doanh nghiệp nhà nước hiện tại với bối cảnh nền kinh tế.

(3) Trên quan điểm của Đảng, Chính phủ về kế hoạch tổng thể về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước, trong đó nhấn mạnh đến định hướng chiến lược, kế hoạch của Nhà nước; cơ chế chính sách, quy định pháp luật Luận án đã đề xuất những giải pháp cơ bản thúc đẩy tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2021-2030.

2. Kiến nghị hướng nghiên cứu tiếp sau luận án

- Về nội dung: Lượng hóa chất lượng thực hiện tái cơ cấu DNNN và đo lường mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tác động đến tái cơ cấu DNNN.

- Về phương pháp: Sử dụng mô hình định lượng để đánh giá chất lượng tái cơ cấu và đo lường mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tác động đến tái cơ cấu DNNN.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ

1. Nguyễn Thị Thu Hà (2018), “*Tái cấu trúc quản trị doanh nghiệp nhà nước theo thông lệ kinh tế quốc tế*”, Tạp chí Quản lý nhà nước, (267), tr.71-75.
2. Nguyễn Thị Thu Hà (2018), “*Bàn về vai trò của doanh nghiệp nhà nước trong bối cảnh hiện nay*”, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, (14), tr. 17-20.

